

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: GR 09 - 001

ngày 06 tháng 09 năm 2023)

Tài khoản dự toán: ☒

Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUÂN

2. Mã đơn vị: 1064778

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á: 002342940002 tại Ngân hàng Đông Á - CN Tân Bình

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi lương, phụ cấp tháng 09/2023 (MLCS: 1.490.000)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:					Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp cố tính trừ BH	Lương và phụ cấp truy lĩnh tháng 07, tháng 08/2023	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp ưu đãi truy lĩnh tháng 07, tháng 08/2023	Tiền khoản công tác phí	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số				198.468.800	148.368.112	6.278.354	42.270.184	52.150	1.500.000	
I.	Đối với công chức, viên chức			198.468.800	148.368.112	6.278.354	42.270.184	52.150	1.500.000	
1	PHẠM HUY TUÂN	0102573940	Ngân hàng Đông Á	11.002.713	7.921.288	-	2.581.425	-	500.000	
2	PHẠM THỊ NGỌC SƯƠNG	0102600809	Ngân hàng Đông Á	12.970.406	9.364.188	170.694	2.883.374	52.150	500.000	
3	ĐINH THỊ THU DUNG	0102568312	Ngân hàng Đông Á	12.841.945	9.906.943	-	2.935.002	-		
4	TRỊNH VIỆT LỤC	0102404642	Ngân hàng Đông Á	12.199.487	9.394.860	-	2.804.627	-		
5	PHẠM TRẦN TUÂN	0102568284	Ngân hàng Đông Á	12.115.853	9.362.854	-	2.752.999	-		
6	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	0102404672	Ngân hàng Đông Á	11.230.473	8.633.403	-	2.597.070	-		
7	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	0102568294	Ngân hàng Đông Á	10.176.902	7.751.927	-	2.424.975	-		
8	LÂM TÍCH VIÊN	0102404661	Ngân hàng Đông Á	10.238.245	7.813.270	-	2.424.975	-		
9	NGUYỄN THỊ NỮ HOÀNG	0102568296	Ngân hàng Đông Á	11.336.106	8.634.736	-	2.701.370	-		
10	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	0102404666	Ngân hàng Đông Á	10.114.225	7.689.250	-	2.424.975	-		
11	NGUYỄN THUY VI	0101981154	Ngân hàng Đông Á	10.290.537	7.761.262	-	2.529.275	-		
12	TRẦN TUYẾT HOA	0102568287	Ngân hàng Đông Á	9.530.345	7.173.165	-	2.357.180	-		
13	PHẠM HOÀNG MINH HIẾN	0102973858	Ngân hàng Đông Á	9.408.992	7.051.812	-	2.357.180	-		
14	NGUYỄN NGỌC KHOÁT	0102942852	Ngân hàng Đông Á	7.472.261	5.563.571	-	1.908.690	-		
15	TRẦN HỮU HOÀNG	0102404669	Ngân hàng Đông Á	12.120.898	9.366.856	-	2.754.042	-		
16	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	0101083248	Ngân hàng Đông Á	6.379.875	4.695.430	-	1.684.445	-		
17	TRƯƠNG NGỌC TRÂM	0107642270	Ngân hàng Đông Á	5.114.083	4.080.663	533.420	-	-	500.000	
18	THỐI THỊ CẨM HUYỀN	0109809770	Ngân hàng Đông Á	3.821.403	2.747.113	-	1.074.290	-		
19	PHAN THỊ VÂN THẢO	0111240544	Ngân hàng Đông Á	3.821.403	2.747.113	-	1.074.290	-		
20	HÀ BÍCH HỒNG	0107887443	Ngân hàng Đông Á	3.013.823	2.747.113	266.710	-	-		
21	TRẦN THỊ THUỶ UYÊN	0111539118	Ngân hàng Đông Á	5.307.530	2.653.765	2.653.765	-	-		
22	CHU VÂN TRANG	0111539120	Ngân hàng Đông Á	5.307.530	2.653.765	2.653.765	-	-		



STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:					Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp có tính trừ BH	Lương và phụ cấp truy lĩnh tháng 07, tháng 08/2023	Phụ cấp ưu đãi	Phụ cấp ưu đãi truy lĩnh tháng 07, tháng 08/2023	Tiền khoản công tác phí	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)		(9)		(10)	(12)
23	HOÀNG LÊ ÁNH TUYẾT	0111492427	Ngân hàng Đông Á	2.653.765	2.653.765	-	-	-		
II.	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			-	-	-	-	-	-	-
III.	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			-	-	-	-	-	-	-
Tổng số tiền Lương tháng 07, Tháng 08/2023										

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm đồng

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Tăng so với tháng trước số tiền là:

1.990.962d

do tháng này truy lãnh lương, phụ cấp theo hệ số mới tháng 7, 8/2023

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tân Bình, ngày 06 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phạm Huy Tuân

Ngày.....tháng.....năm.....

**Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/
Giám đốc KBNN quận, huyện**

**Chuyên viên kiểm soát chi/
Giao dịch viên**